



Nghệ thuật hát **Dù-kê** **của người Khmer ở Sóc Trăng**

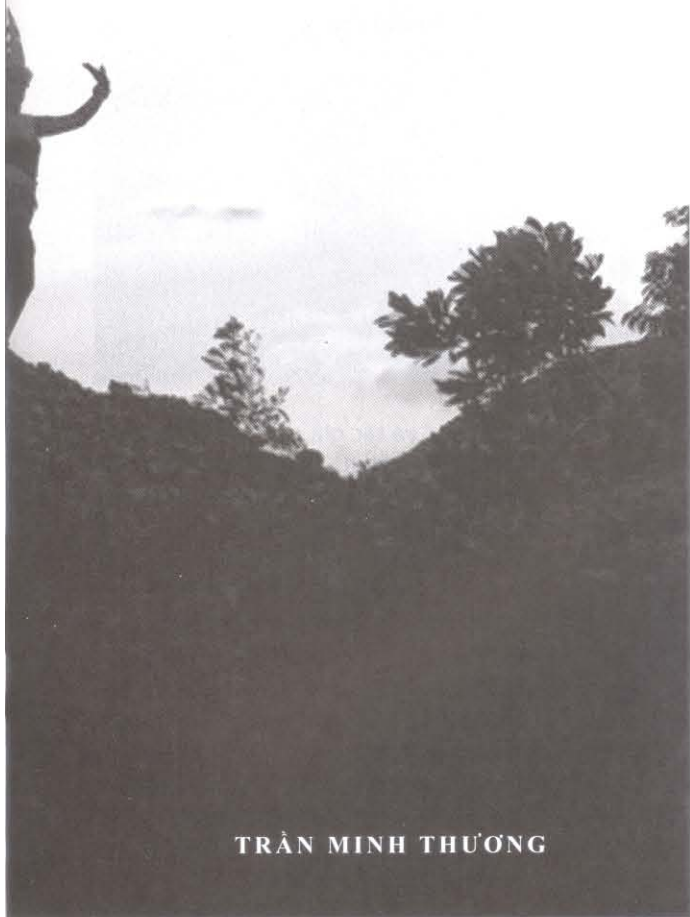
1. Sóc Trăng, đất và người

Sóc Trăng là tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, nằm trong vùng hạ lưu sông Hậu, trên trục lộ giao thông thủy bộ nối liền TP.HCM với các tỉnh miền Tây Nam Bộ; có bờ biển dài 72km với ba cửa sông lớn là Định An, Trần Đề, và Mỹ Thanh đổ ra Biển Đông.

Sóc Trăng vốn là đất Chân Lạp. Năm 1698 chúa Nguyễn Phúc Chu sai Nguyễn Hữu Cảnh làm kinh lược đất Chân Lạp và chiêu mộ lưu dân từ Quảng Bình trở vào để lập ra thôn xã và khai khẩn ruộng đất ở vùng Đông Phố. Đến năm 1708, Mạc Cửu, vốn là tướng nhà Minh không phục nhà Thanh, sang đất Chân Lạp khai khẩn vùng Hà Tiên, xin nội thuộc chúa Nguyễn, được chúa Nguyễn khi ấy là Nguyễn Phúc Chú tiếp nhận phong làm Tổng binh, cho cai quản trấn Hà Tiên, gồm cả Rạch Giá và Phú Quốc. Từ 1735-1739, con của Mạc Cửu là Mạc Thiên Tứ mở rộng đất đai, sáp nhập các vùng Cà Mau, Bạc Liêu, Hậu Giang, và Cần Thơ. Trước đó, vào năm 1732, chúa Nguyễn đã tiếp quản vùng đất nay là Vĩnh Long và Bến Tre, lập ra dinh Long Hồ đặt thủ phủ tại Cái Bè. Năm 1757, chúa Nguyễn tiếp nhận thêm các vùng đất Trà Vinh và Ba Thắc (Sóc Trăng). Từ đây, Sóc Trăng thuộc chúa Nguyễn. Năm 1832,

vua Minh Mạng đặt toàn bộ Nam Kỳ thành 6 tỉnh gồm Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên thì Sóc Trăng thuộc tỉnh Vĩnh Long. Năm 1876, Pháp chia Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính gồm Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, và Bassac thì Sóc Trăng thuộc khu vực Bassac. Từ năm 1900, Sóc Trăng trở thành một tỉnh cùng với 19 tỉnh khác của toàn vùng Nam Kỳ. Trong thời kỳ đất nước bị phân ly, cho đến năm 1955, Sóc Trăng vẫn có 4 quận là Châu Thành, Kế Sách, Long Phú và Phú Lộc. Năm 1956, Sóc Trăng được sáp nhập với Bạc Liêu để thành lập tỉnh Ba Xuyên. Từ khi thống nhất đất nước, Sóc Trăng lại được sáp nhập với Cần Thơ để lập thành tỉnh Hậu Giang. Đến kỳ họp lần thứ 10 khóa VIII, Quốc hội Việt Nam quyết định tách tỉnh Hậu Giang thành hai tỉnh Sóc Trăng và Cần Thơ. Tỉnh Sóc Trăng chính thức đi vào hoạt động từ đầu tháng 4/1992 gồm các huyện: Mỹ Tú, Kế Sách, Thạnh Trị, Mỹ Xuyên, Long Phú, Vĩnh Châu và thị xã Sóc Trăng.

Theo số liệu thống kê năm 2010, ở Sóc Trăng có gần bốn trăm ngàn người Khmer, chiếm khoảng 29% dân số của tỉnh. Là một tộc người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, người Khmer đã sinh sống lâu đời ở vùng đất này. Người Khmer có tiếng nói và chữ viết riêng. Phật



TRẦN MINH THƯƠNG

giáo Nam tông chi phối cộng đồng người Khmer ở Sóc Trăng sâu sắc và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, đạo đức lối sống và chính trị. Từ khảo sát điền dã, bài viết này trình bày tổng hợp nghệ thuật hát Dù-kê, một loại hình văn nghệ dân gian có vai trò quan trọng trong đời sống của đồng bào dân tộc Khmer.

2. Nghệ thuật Dù-kê của người Khmer Sóc Trăng

Dù-kê là loại hình sân khấu dân gian của người Khmer miền Tây Nam Bộ nói chung và của người Khmer đất Sóc Trăng nói riêng. Với đời sống cộng cư, Dù-kê cũng chịu sự ảnh hưởng và giao thoa với loại hình nghệ thuật cải lương của người Việt, hát Hò Quảng của người Hoa ở vùng đất này.

Các tác giả quyển *Tim hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*, (Nhà Xuất bản Tổng hợp Hậu Giang năm 1988), cho rằng thủy tổ của nghệ thuật sân khấu Dù-kê là ông Kru Cô, một người Khmer ở Trà Vinh. Năm 1920, ông Kru Cô thành lập gánh hát Dù-kê lấy tên là "Nhật Nguyệt Quan," vừa biểu diễn phục vụ, vừa truyền bá và đào tạo diễn viên cho bộ môn nghệ thuật mới mẻ này.

Khi đi tìm hiểu thực tế, chúng tôi được nghe ông Lý Pích, nhà gần chùa Hiếu Từ, huyện Tiểu Cần, Trà Vinh, kể lại: Vào thập niên 20 của thế kỷ trước, tại chùa này có một chú tiểu tên là Kê, chú rất mê xem hát Quảng. Sau khi xem xong, chú thường rủ bạn bè đến sân sau của chùa để phân vai biểu diễn, trông vừa ngộ vừa vui. Dần dần, người Khmer và sau đó là cả người Việt rủ nhau đi coi hát Kê, lâu ngày biến âm thành Dù-kê.

Từ những năm 30 của thế kỷ XX, chiến tranh ác liệt, người dân ở nhiều vùng Khmer thuộc đồng bằng sông Cửu Long phải sơ tán lánh nạn. Trong đó, có một số nghệ sĩ Dù-kê chạy sang Campuchia thành lập đoàn biểu diễn, được người dân đất nước Chùa Tháp đón nhận một cách trân trọng và đặt tên mới cho nghệ thuật sân khấu Dù-kê là "Lkhôn Ba Săc" (kịch hát miền sông Hậu).

Qua phỏng vấn bà Kim Thị Suông (sinh năm 1940), nghệ nhân Dù-kê Đoàn Nghệ thuật Khmer Sóc Trăng, chúng tôi được biết Dù-kê là một loại hình sân khấu mà theo lưu truyền trong dân gian thì người sinh ra nghệ thuật này là ông Lý Cọn, một người Khmer ở xã An Ninh, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ngày nay. Ông Cọn từng đi Tây học, làm chủ sòng bạc rồi mở một đoàn hát ở Trà Vinh. Dù-kê có hát, múa, đọc thơ theo phong cách dân gian.

Ngày xưa, khi đi diễn, đoàn Dù-kê xin phép ông Tà trước rồi mới cúng Tổ khai diễn. Lễ vật khi đến xin phép ông Tà gồm một trái dừa, một con gà luộc, và một xị rượu.

Cúng ông Tà xong thì cúng để diễn. Người ta bày lên bàn thờ những lễ vật cúng. Bàn thờ được chia làm hai phần bằng nhau. Bên trái thờ Tổ, bên phải thờ Phật. Lễ vật bên Tổ thì đồ mặn gồm: 1 con gà; 2 trái dừa 2 bên; Cốm nổ, bên trong có 3 trứng gà; Huyết gà tươi; Bay sei 1 cặp (7 tầng); 1 đầu heo; Thuốc hút. Lễ vật cúng Phật là đồ ngọt như bánh, trái cây, chè...

Sau khi chuẩn bị xong lễ, mọi người tụ tập lại, hát bài Tổ và mời vị Acha đọc kinh làm phép.

Hiện nay, những đoàn Dù-kê đang hoạt động trong tỉnh Sóc Trăng vẫn duy trì lễ cúng Tổ. Tuy nhiên, lễ vật chỉ cần có con gà luộc và nhất thiết mỗi đêm diễn phải bỏ lên bàn thờ Tổ một quả trứng tươi.

Những diễn viên lần lượt thắp nhang khẩn vái và được vị trưởng đoàn xúc lên người một thứ dầu thơm. Dầu thơm này họ vẫn mua ở chợ bình thường nhưng đã được các vị thầy đọc bùa chú và làm phép. Việc xúc dầu thơm cũng mang ý nghĩa truyền phép màu cho diễn viên diễn hay và không mệt mỏi, cho khán giả thích thú.

Những nghi lễ trên là hiện thân của đạo Bà-la-môn và đạo Phật mà người Khmer luôn có niềm tin sâu thẳm. Nó bao gồm những đặc điểm hành động về tôn giáo và sự tồn tại của đẳng siêu nhiên, chúa trời, yêu quý, tổ sư...

Các đoàn Dù-kê rất ưa lấy những trích đoạn từ truyện dân gian *Reamker* để diễn. Đây là một tác phẩm có giá trị và ảnh hưởng lớn trong nền văn hóa Khmer.

Quá trình xuất hiện của *Reamker* – một phiên bản của sử thi *Ramayana* trên đất nước Campuchia như



thể nào thì đến nay nguồn tài liệu còn lại không ghi rõ. Những giả thuyết chỉ cho biết có lẽ *Ramayana* đã vào khu vực này từ thời vương quốc Phù Nam qua truyền thuyết nàng Soma lấy vị vua người Ấn tên Cao Đỉnh. Qua tiến trình dung hợp lâu dài rồi có sự thăng thế của Phật giáo đẩy lùi Bà-la-môn giáo.

Ramayana đã trở thành *Reamker* của dân tộc Khmer. Vốn là một văn phẩm Bà-la-môn nay *Reamker* đã thành văn phẩm Phật giáo, với hình thức sử thi nhưng lại đầy chất tự sự. *Reamker* lại mang kết cấu và trực nhân vật như những truyện thơ truyền kỳ. Truyện *Reamker* ghi nhớ một thời kỳ rất quan trọng trong lịch sử xã hội và văn hóa Campuchia, thời kỳ ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ và xây dựng vương quyền Campuchia.

Truyện dài, các đoàn hát trích rất nhiều đoạn khác nhau, ở đây, chúng tôi tạm thời tóm tắt thành 3 tuyến nhân vật chính:

Tuyến Hoàng tử tiêu biểu cho cái thiện, tinh thần anh hùng, tài ba và lòng đức độ. Những nhân vật trong tuyến gồm hoàng tử, công chúa... hiện diện như cái đẹp, cái thiện tồn tại trong xã hội như lý tưởng mà con người mong muốn.

Tuyến bên Chằn tiêu biểu cho cái ác, cái xấu xa tồn tại trong thiên nhiên và xã hội. Đó là những nhân vật yêu quý có nhiều pháp thuật, hung tợn, thường gây ra những nghịch cảnh cho người khác. Chiến tranh giữa tuyến Hoàng tử và tuyến Chằn thường tượng trưng cho những cuộc xung đột, đối đầu giữa cái Thiện và cái Ác, giữa chính nghĩa và phi nghĩa. Mấu chốt vấn đề truyện *Reamker* vẫn thể hiện ý chí và niềm tin tưởng của nhân dân vào sự tất thắng của lẽ phải. Chính nghĩa luôn thắng, còn những kẻ ác thì dù sớm hay muộn sẽ bị tiêu diệt.

Tuyến Khi tiêu biểu cho lòng quả cảm và trung thành, sự thông minh và mưu lược. Nhân vật Khi vừa mang trong mình sự chính nghĩa nhưng cũng lắm mưu mô, sẵn sàng dùng thủ đoạn nếu cần thiết. Tuyến Khi là lực lượng trọng yếu, là cánh tay phải đắc lực trong cuộc chiến giữa hoàng tử và Chằn. Nó là loại nhân vật trung gian giữa thiện và ác.

Tùy theo "thầy tuồng" và tác giả của các đoàn, diễn viên sẽ được phân thành những vai để tập luyện, bà Kim Thị Suông còn cho chúng tôi biết thêm: Muốn biểu diễn sân khấu Dù-kê tốt không phải dễ, nó đòi hỏi người có kinh nghiệm trong nhóm phải xây dựng kế hoạch tập luyện rất chi tiết, cụ thể, để diễn trong một đêm phải tập khoảng nửa tháng diễn viên mới thuộc hết phần lời và điệu múa.

Nhạc cụ trong đoàn Dù-kê thường là dàn nhạc ngũ âm (cũng có khi không đủ), chủ yếu gọi theo tiếng Khmer. Dàn nhạc ngũ âm gồm có: 1. Rônêk ek 2. Rônêk Thung 3. Rônêk Đek 4. Kôông Vông Tôch 5. Kôông Vông Thum 6. Samphô 7. Skô Thum 8. Srolay PúnPét 9. Chungng

3. Kết luận

Hát Dù-kê trước hết là loại hình nghệ thuật mang chức năng giải trí. Từ những vở diễn, tư tưởng Phật giáo, tín ngưỡng dân gian đặc trưng của đồng bào dân tộc được bảo lưu và phát triển.

Loại hình nghệ thuật này thường diễn ra ở sân chùa trong những ngày lễ, Tết. Một lần nữa chúng tỏ vai trò của ngôi chùa có một vị trí rất quan trọng trong tâm thức người Khmer.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Minh Giang (chủ biên), *Lịch sử vùng đất Nam Bộ - Việt Nam*, Nxb Thế Giới, Hà Nội, 2006.
2. Lê Hương, *Người Việt gốc Miên*, tác giả xuất bản, Sài Gòn, 1969.
3. Huỳnh Lứa, *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
4. Publications de la Societe des Etudes Indo-chinoises, *Monographie de la province de Sóc Trăng*, Imprimerie Commercial Ménard et Rey, 1904.
5. Châu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký* (Lê Hương dịch), Nxb Kỹ Nguyên Mới, Sài Gòn, 1973.
6. François Bizot, *Reamke ou l'amour symbolique de Ram et Seta*, Publié par L'E.F.E-O en 1989. ■